TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2021.
V/v ly hôn giữa chị P
và anh H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tràn Văn Ngọc;

2. Ông Nguyễn Hữu Tỉnh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Công Thương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Mai P, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường X, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Hữu H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Công an huyện L, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo tại Toà án, chị Vũ Thị Mai P trình bày:

Chị và anh Trần Hữu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 7 năm 2013 tại Uỷ ban nhân dân xã X, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Vợ chồng có một con chung là Trần Bình N, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc do mâu thuẫn liên tục phát sinh, nguyên nhân mâu thuẫn là do lối sống và tính cách không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ

chồng kéo dài đã nhiều năm và ngày càng trở nên căng thẳng. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên đề nghị được ly hôn và nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng; tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết. Hiện vì lý do công việc cá nhân và gia đình, hơn nữa dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp nên chị không thể đến Toà án để giải quyết việc ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại lời khai anh Trần Hữu H xác nhận về mối quan hệ hôn nhân, con chung của vợ chồng như chị P trình bày. Quan điểm của anh, vợ chồng không có xích mích gì lớn nên chị P yêu cầu ly hôn anh không đồng ý và không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung cũng như tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Vũ Thị Mai P có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Trần Hữu H được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Việc anh H cố tình vắng mặt không chỉ gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án của Toà án mà còn được coi là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Vũ Thị Mai P và anh Trần Hữu H trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 5 năm 2013 tại Uỷ ban nhân dân xã X (nay là phường X), thành phố Đ, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị P và anh H có một con chung là Trần Bình N, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2013. Trong cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn liên tục phát sinh là do tính tình không hợp nhau. Nay chị P xác định mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng kéo dài đã nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn là có cơ sở để Toà án xem xét. Phía anh H mặc dù có quan điểm không đồng ý ly hôn, muốn níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng bản thân anh lại không có giải pháp tích cực nào nhằm hàn gắn rạn nứt tình cảm vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Toà án tiến hành mở phiên hoà giải nhằm tháo gỡ mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ xây dựng hạnh phúc nhưng anh H vắng mặt còn phía chị P vẫn kiên quyết ly hôn. Điều đó cho thấy việc anh H không đồng ý ly hôn cũng sẽ không mang lại hạnh phúc mà chỉ làm kéo dài thêm sự bất hạnh của cuộc hôn nhân mà trên thực tế đã hoàn toàn đổ vỡ. Vì vậy, Toà án sẽ căn cứ vào quy định của pháp luật để xem xét giải quyết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P để giải phóng khỏi sự ràng buộc của hôn nhân không hạnh phúc cho các bên là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với thực tế cũng như quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị P và anh H cùng xác nhận vợ chồng có một con chung là Trần Bình N, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2013. Chị P có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Bản thân cháu N cũng có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì xin được ở với mẹ. Vì vậy, Toà án giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N trưởng thành theo nguyện vọng của cả hai mẹ con chị là phù hợp.

[4] *Về quan hệ tài sản*: Chị P và anh H cùng chung quan điểm không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Vũ Thị Mai P đối với anh Trần Hữu H;

Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị Mai P và anh Trần Hữu H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Bình N, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2013 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trưởng thành; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0001610 ngày 24/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Lộc;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;
- UBND phường X;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quang